UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ THANH OAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 330/TB-UBND	*Thanh Oai, ngày 19 tháng 5 năm 2026*

THÔNG BÁO
Về việc thực hiện chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026

Căn cứ Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 và áp dụng chuẩn quy định tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND để thực hiện chính sách cho hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026;

Căn cứ Công văn số 5310/SNNMT-PTNT ngày 21/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội về việc thực hiện chính sách cho hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026;

UBND xã Thanh Oai thông báo để Nhân dân trên địa bàn xã biết, thực hiện và giám sát như sau:

1. Phạm vi, thời gian thực hiện

- Tiếp tục thực hiện các chính sách của Trung ương hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 trong năm 2026 (*chính sách hỗ trợ y tế, hỗ trợ giáo dục, trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ vay vốn giải quyết việc làm...*).

- Tiếp tục thực hiện các chính sách giảm nghèo đặc thù của Thành phố theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 trong năm 2026, thời gian từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026.

2. Các chính sách cụ thể theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND

Đối tượng được quy định tại Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND thành phố Hà Nội.

2.1. Đối tượng đang hưởng chính sách

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ hàng tháng theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND từ tháng 01/2026.

- Điều kiện hưởng:

+ Đối tượng có tên trong danh sách hưởng tại thời điểm tháng 12/2025, hiện còn sinh sống tại nơi cư trú không phân biệt đã thoát nghèo, thoát cận nghèo hay thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

+ Trường hợp đồng thời đang hưởng các trợ cấp khác thì vẫn được hưởng theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND nhưng phải hoàn trả ngân sách nhà nước phần kinh phí đã hưởng trùng theo quy định.

2.2. Chính sách hỗ trợ hàng tháng

a) *Đối với trẻ em dưới 15 tuổi; người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo* đảm bảo các điều kiện sau:

+ Là thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo hoặc hộ thoát cận nghèo và được UBND xã quyết định công nhận.

+ Trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng bị khuyết tật đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội, hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng dưới 18 tuổi đang học văn hóa, học nghề.

- Mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/tháng (đối với khu vực nông thôn).

b) Đối với người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên) thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ bản thân

Mức hỗ trợ năm 2026: 650.000 đồng/người/tháng.

c) Thời gian bắt đầu thực hiện hỗ trợ: Kể từ ngày Quyết định của UBND xã có hiệu lực.

2.3. Chính sách hỗ trợ về y tế

a) Đối tượng: Thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo được UBND xã ra Quyết định công nhận thoát nghèo, thoát cận nghèo.

b) Mức hỗ trợ: 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định.

c) Thời gian áp dụng: Không quá 36 tháng kể từ tháng kế tiếp sau khi hộ được công nhận thoát nghèo hoặc thoát cận nghèo.

2.4. Chính sách hỗ trợ về giáo dục

a) Đối tượng: Trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo.

b) Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021.

c) Thời gian áp dụng: Theo thời gian học thực tế nhưng không quá 09 tháng/năm học, không quá 06 học kỳ và không quá 03 năm học kể từ tháng hộ được công nhận thoát nghèo.

Lưu ý chung:

Trường hợp đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà Nội thuộc diện hưởng nhiều chính sách trợ cấp, hỗ trợ hàng tháng theo các hệ số khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách hoặc một mức hưởng cao nhất.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Phòng Kinh tế xã

- Là cơ quan chủ trì, tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện chính sách; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các thôn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Tiếp nhận, tổng hợp danh sách đối tượng do các thôn đề nghị; chủ trì rà soát, thẩm định, trình UBND xã ban hành quyết định hỗ trợ.

- Lập danh sách đề nghị cấp mới, điều chỉnh, giảm thẻ bảo hiểm y tế hằng tháng khi có phát sinh gửi Bảo hiểm xã hội cơ sở Thanh Oai. Định kỳ hằng tháng thực hiện đối chiếu danh sách người tham gia BHYT với Bảo hiểm xã hội cơ sở Thanh Oai, bảo đảm dữ liệu chính xác, kịp thời.

- Tổ chức chi trả, quản lý, sử dụng kinh phí; thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

- Chủ trì theo dõi, quản lý, cập nhật biến động đối tượng; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

3.2. Phòng Văn hoá - Xã hội xã

- Phối hợp với Phòng Kinh tế xã trong việc rà soát, xác nhận và quản lý đối tượng thụ hưởng chính sách.

- Phối hợp tham gia thẩm định hồ sơ, bảo đảm đúng đối tượng, đúng điều kiện theo quy định.

- Phối hợp theo dõi, cập nhật biến động đối tượng trong quá trình thực hiện.

- Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn chính sách đến Nhân dân.

3.3. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã

- Xác nhận vào Giấy đề nghị hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách, bảo đảm đúng đối tượng, đúng quy định.

- Thông báo bằng văn bản đến Phòng Kinh tế xã nơi học sinh đăng ký thường trú trong trường hợp học sinh bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung, chuyển trường.

3.4. Bảo hiểm xã hội cơ sở Thanh Oai

- Đề nghị Bảo hiểm xã hội cơ sở Thanh Oai thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định.

- Thực hiện trả kết quả thẻ BHYT bản điện tử trên ứng dụng VssID; đồng thời phối hợp liên kết với tài khoản định danh điện tử mức độ 2 (VNeID) hoặc gửi qua địa chỉ thư điện tử (email) của người thụ hưởng.

3.5. Trưởng các Thôn, Tổ dân phố

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách đến Nhân dân; hướng dẫn các đối tượng lập hồ sơ đề nghị hưởng chính sách.

- Rà soát, lập danh sách đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách, gửi về Phòng Kinh tế xã theo quy định (theo biểu mẫu đính kèm).

- Theo dõi, quản lý đối tượng trên địa bàn; kịp thời báo cáo các trường hợp tăng, giảm, biến động (như: chuyển đi, chuyển đến, qua đời, không còn đủ điều kiện hưởng...) về Phòng Kinh tế xã để tổng hợp, tham mưu xử lý theo quy định.

Để tổ chức thực hiện chính sách đúng quy định, đề nghị các cơ sở Thôn, Phố, các đối tượng thụ hưởng và các bộ phận liên quan nghiên cứu kỹ Hướng dẫn kèm theo, trong đó quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện; thời gian chi trả, quyết toán; các trường hợp tạm dừng, truy lĩnh, dừng hưởng chính sách và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong tổ chức thực hiện.

(Gửi kèm Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ban hành kèm theo Công văn số 5310/SNNMT-PTNT ngày 21/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội).

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cá nhân liên hệ UBND xã *(qua phòng Kinh tế xã, đồng chí Phạm Hùng Cường - Chuyên viên, Số điện thoại: 0906.101.285)* để được xem xét, giải quyết theo quy định.

UBND xã Thanh Oai yêu cầu các phòng, ban, đơn vị liên quan, Trưởng các Thôn và Nhân dân trên địa bàn xã nghiêm túc triển khai thực hiện Thông báo này./.

Nơi nhận:
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã; *(Để b/c)*
- Đ/c Chủ tịch UBND xã;
- Các Đ/c Phó Chủ tịch UBND xã;
- Các phòng: Kinh tế, Văn hoá - Xã hội xã;
- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã; *(Để thực hiện)*
- Bảo hiểm xã hội cơ sở Thanh Oai;
- Các Thôn, Tổ dân phố trên địa bàn xã;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã; *(Để đưa tin)*
- Lưu: VT, KT (Cường, 03b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Hải

HƯỚNG DẪN
Thực hiện Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025

(Kèm theo Công văn số 5310/SNNMT-PTNT ngày 21/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND thành phố Hà Nội quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND Thành phố về việc Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2025 và áp dụng chuẩn quy định tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND để thực hiện chính sách cho hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026;

Sở Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Hướng dẫn xác định đối tượng được hưởng chính sách theo quy định của Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố.

- Thống nhất trình tự thực hiện hỗ trợ đảm bảo đơn giản, hiệu quả, công khai, minh bạch.

2. Yêu cầu

- Hỗ trợ các hộ gia đình, thành viên hộ gia đình thuộc diện: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình sau khi thoát nghèo, hộ gia đình sau khi thoát cận nghèo để ổn định cuộc sống, nhằm mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững.

- Tập trung hỗ trợ các đối tượng: trẻ em, người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo.

- Nguyên tắc thực hiện: Thực hiện chính sách kịp thời, công bằng, không gây phiền hà, không phát sinh thủ tục hành chính.

II. ĐỐI TƯỢNG

Đối tượng được quy định tại Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND thành phố Hà Nội quy định

một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

III. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong hướng dẫn này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo: được xác định theo mức chuẩn quy định tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.

2. Độ tuổi lao động: từ đủ 15 tuổi theo quy định tại Bộ luật Lao động năm 2019.

3. Người cao tuổi cô đơn là người cao tuổi không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng.

4. Người khuyết tật đặc biệt nặng được xác định theo quy định của Luật Người khuyết tật và các văn bản liên quan.

5. Người mắc bệnh hiểm nghèo là người mắc một trong các bệnh: HIV/AIDS, ung thư, suy thận mãn phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 hoặc các bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế; có giấy tờ chứng minh về bệnh của cơ sở y tế trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

6. Người cao tuổi không có khả năng tự phục vụ bản thân là người không không tự thực hiện được một số hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc.

IV. CHÍNH SÁCH

1. Chính sách hỗ trợ hàng tháng

1.1. Hỗ trợ hàng tháng đối với: trẻ em dưới 15 tuổi; người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo

a) *Điều kiện hỗ trợ:* Là người đảm bảo đủ 03 điều kiện sau:

- Là một trong những đối tượng sau: Trẻ em dưới 15 tuổi, người cao tuổi cô đơn, người khuyết tật đặc biệt nặng hoặc người mắc bệnh hiểm nghèo.

- Là thành viên thuộc: hộ nghèo, hoặc hộ cận nghèo, hoặc hộ thoát nghèo hoặc hộ thoát cận nghèo; được Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã quyết định công nhận.

- Trong hộ không có người trong độ tuổi lao động hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng bị khuyết tật đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội, hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng dưới 18 tuổi đang học văn hóa, học nghề (*kể cả học sinh đang học tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên*).

b) Mức hỗ trợ

- 2.500.000 đồng/người/tháng đối với người đăng ký thường trú và hiện sinh sống tại khu vực thành thị (*các phường*).

- 2.000.000 đồng/người/tháng đối với người đăng ký thường trú và hiện sinh sống tại khu vực nông thôn (*các xã*).

1.2. Hỗ trợ hàng tháng đối với người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có khả năng tự phục vụ bản thân

a) Điều kiện hỗ trợ: Là người đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Là người từ đủ 60 tuổi trở lên.

- Là thành viên thuộc hộ hộ nghèo.

- Không có khả năng tự phục vụ ban thân.

b) Mức hỗ trợ:

- Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2025: Áp dụng mức hỗ trợ: 440.000 đồng/người/tháng theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND của HĐND Thành phố.

- Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026: Áp dụng mức hỗ trợ: 650.000 đồng/người/tháng theo Nghị quyết số 63/2025/NQ-HĐND của HĐND Thành phố.

1.3. Thời gian áp dụng

a) Thời gian áp dụng: Chính sách hỗ trợ hàng tháng được thực hiện từ ngày 01/01/2022 đến hết 31/12/2026 hoặc đến khi người hưởng không đảm bảo đủ điều kiện được hỗ trợ.

b) Thời gian bắt đầu thực hiện hỗ trợ: Kể từ ngày Quyết định của UBND cấp xã có hiệu lực.”

1.4. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Căn cứ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo của xã, phường đang quản lý, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hướng dẫn các đối tượng thuộc diện được hỗ trợ viết Giấy đề nghị hỗ trợ và nộp bản phô tô giấy tờ chứng minh về bệnh (*nếu là người mắc bệnh hiểm nghèo*).

- Bước 2: Căn cứ Giấy đề nghị, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoàn thiện danh sách các hộ đề nghị hưởng chính sách gửi Cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã. Danh sách phải thể hiện rõ tình trạng của từng thành viên trong hộ.

- Bước 3: Cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã đối chiếu thông tin trong danh sách do cấp thôn lập với hồ sơ đang quản lý về hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, báo cáo Trưởng phòng Kinh tế (Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô thị thuộc các Phường, sau đây gọi là Phòng Kinh tế) tổ chức xét duyệt từng trường hợp. Lập biên bản, kèm theo danh sách những người đủ điều kiện hưởng chính sách theo quy định.

- Bước 4: Phòng Kinh tế trình UBND cấp xã ra Quyết định hỗ trợ.

- Bước 5: Căn cứ Quyết định hỗ trợ của UBND cấp xã, căn cứ dự toán ngân sách được giao, Phòng Kinh tế thực hiện việc hỗ trợ cho người dân.

1.5. Một số lưu ý

- Việc hỗ trợ được thực hiện hàng tháng. Thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ hàng tháng trước ngày 10 của tháng tiếp theo.

- Trường hợp người dân không nhận hỗ trợ tháng này thì được nhận vào tháng kế tiếp. Trường hợp 06 tháng liên tiếp người dân không nhận hỗ trợ thì Phòng Kinh tế báo cáo UBND cấp xã bằng văn bản để UBND cấp xã ra Quyết định tạm dừng hỗ trợ. Trường hợp người dân đi khỏi nơi cư trú quá 06 tháng có lý do chính đáng: Đi học, chữa bệnh, thăm người thân, thì được truy lĩnh kinh phí hỗ trợ của những tháng chưa lĩnh.

- Trường hợp người được nhận hỗ trợ qua đời, Phòng Kinh tế có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản để UBND cấp xã ra Quyết định dừng hỗ trợ, kể từ tháng tiếp theo sau tháng người được nhận hỗ trợ qua đời. Trường hợp người được nhận hỗ trợ qua đời vào đầu tháng, trước ngày chi trả (*đã có tên trong danh sách nhưng chưa nhận hỗ trợ*) thì thân nhân (*nếu có*) nhận hỗ trợ; nếu không có thân nhân nhận hỗ trợ thì hoàn trả ngân sách số tiền người dân chưa nhận.

- Trường hợp người không sinh sống thực tế tại nơi đăng ký thường trú thì thực hiện tại nơi hộ gia đình có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo (*trên địa bàn Thành phố*).

- "Người cao tuổi cô đơn" theo điểm a, khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND là người thuộc một trong các đối tượng sau:

+ Người từ đủ 60 tuổi trở lên, không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng (*đối tượng theo quy định tại Nghị định điểm a, khoản 5, Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ và Điều 4 Nghị quyết số 63/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của HĐND thành phố Hà Nội*).

+ Người cao tuổi không có chồng (*vợ*), hoặc có chồng (*vợ*) nhưng không có con đẻ, con nuôi hợp pháp, không có cháu nội, cháu ngoại.

+ Người cao tuổi không có chồng (*vợ*), hoặc có chồng (*vợ*); có con đẻ, con nuôi hợp pháp hoặc có cháu nội, cháu ngoại nhưng những người này đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (*trợ cấp hàng tháng theo quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP hoặc Nghị quyết số 63/2025/NQ-HĐND*) hoặc đang được nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội trực thuộc Sở Lao động -Thương binh và Xã hội Hà Nội.

2. Chính sách hỗ trợ về y tế

2.1. Đối tượng: Thành viên hộ nghèo được UBND cấp xã ra Quyết định công nhận thoát nghèo *(thuộc diện thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo*); thành viên hộ cận nghèo được UBND cấp xã ra Quyết định công nhận thoát cận nghèo.

2.2. Mức hỗ trợ

- 100% mức đóng bảo hiểm y tế (*BHYT*) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

- Mã thẻ: GD; mức hưởng theo quy định của pháp luật.

2.3. Thời gian áp dụng

Không quá 36 tháng kể từ tháng kế tiếp sau khi hộ được công nhận thoát nghèo hoặc thoát cận nghèo.

2.4. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Căn cứ Quyết định công nhận danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo của UBND cấp xã, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lập danh sách người thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ BHYT trên địa bàn và kèm theo Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội (*BHXH*), BHYT (*Mẫu TK1-TS*) của đối tượng.

- Bước 2: Cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã đối chiếu thông tin trong danh sách do cấp thôn lập với hồ sơ quản lý về BHYT, loại bỏ thẻ BHYT trùng để lập Danh sách người chỉ tham gia BHYT (*Mẫu D03-TS*) theo đơn vị hành chính xã, phường báo cáo Trưởng Phòng Kinh tế gửi danh sách người chỉ tham gia BHYT (*Mẫu D03-TS*) và Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (*Mẫu TK1-TS*) của đối tượng đến Bảo hiểm xã hội cơ sở. Trường hợp danh sách chưa hoàn thiện thì chuyển về Phòng Kinh tế để bổ sung, hoàn thiện.

- Bước 4: Bảo hiểm xã hội cơ sở thực hiện cấp thẻ BHYT, trả kết quả thẻ BHYT bản điện tử vào ứng dụng BHXH số (VssID), liên kết với tài khoản định danh điện tử mức độ 2 (VNeID) hoặc hòm thư điện tử cá nhân (Email).

2.5. Lưu ý

- Phòng Kinh tế lập danh sách tăng, giảm thẻ BHYT hàng tháng, khi có phát sinh.

- Hằng tháng, thực hiện đối chiếu danh sách người chỉ tham gia BHYT với BHXH cơ sở. Trước ngày 25 của tháng cuối quý, thực hiện chuyển kinh phí và quỹ BHYT. Đối chiếu với quý IV chậm nhất đến ngày 15/12 hằng năm, phải thực hiện việc chuyển kinh phí vào quỹ BHYT của năm đó theo quy định.

3. Chính sách hỗ trợ về giáo dục

3.1. Đối tượng*:* Trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông (*bao gồm tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, học sinh các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên*); là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo (*không phân biệt hộ thoát nghèo trở thành hộ cận nghèo hay thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo*).

3.2. Mức hỗ trợ: Theo đúng quy định tại Điều 3, Điều 4, Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021.

*3**.3. Thời gian áp dụng:*** Thời gian hưởng: Không quá 03 năm học kể từ tháng hộ được công nhận thoát nghèo, tính theo thời gian học thực tế (*theo tháng*) nhưng không quá 06 học kỳ.

3.4. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Căn cứ Quyết định công nhận danh sách hộ thoát nghèo của UBND cấp xã, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hướng dẫn học sinh viết Giấy

đề nghị hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập; lấy xác nhận của nhà trường và nộp cho cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã.

- Bước 2: Cơ sở giáo dục xác nhận vào Giấy đề nghị cho học sinh.

- Bước 3: Cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã đối chiếu thông tin của học sinh với hồ sơ quản lý về hộ nghèo của xã, phường lập danh sách học sinh thuộc diện hưởng chính sách, báo cáo Trưởng Phòng Kinh tế.

- Bước 4: Phòng Kinh tế rà soát, trình UBND cấp xã ra Quyết định phê duyệt danh sách học sinh thuộc diện được hỗ trợ học phí và chi phí học tập.

- Bước 5: Căn cứ Quyết định của UBND cấp xã, Phòng Kinh tế thông báo đến các hộ gia đình có học sinh thuộc diện được hưởng chính sách. Phòng Kinh tế chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập bằng tiền mặt cho cha mẹ (*hoặc người giám hộ*) của học sinh.

3.5. Lưu ý

- Người học thuộc diện được hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 Giấy đề nghị cho 01 năm học.

- Thời gian học sinh bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì không được hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Phòng Kinh tế nơi học sinh đăng ký thường trú trong trường hợp học sinh bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung, chuyển trường.

- Chi trả kinh phí hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập 2 lần trong năm (*tháng 10 hoặc tháng 11 và tháng 3 hoặc tháng 4 hàng năm*), đảm bảo học sinh nhận được kinh phí hỗ trợ của năm học trước khi kết thúc năm học. Trường hợp học sinh hoặc cha mẹ (*hoặc người giám hộ*) chưa nhận tiền hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

4. Đối tượng đang hưởng chính sách

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ hàng tháng được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND từ tháng 01/2026.

Điều kiện hưởng:

+ Đối tượng có tên trong danh sách hưởng *(chính sách hỗ trợ hàng tháng được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND)* tại thời điểm tháng 12/2025, hiện còn sinh sống tại nơi cư trú không phân biệt đã thoát nghèo, thoát cận nghèo hay thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

+ Những trường hợp đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND tại thời điểm tháng 12/2025, đến nay đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Nghị quyết số 63/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 của HĐND Thành phố hoặc hưởng các chế độ khác. Vẫn được hưởng chế độ theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND từ tháng 01/2026 nhưng phải hoàn trả Ngân sách số tiền đã hưởng của các chính sách bảo trợ từ tháng 01/2026 đến nay.

Lưu ý:

Trường hợp đối tượng hưởng chính sách trợ giúp xã hội của thành phố Hà

Nội thuộc diện hưởng nhiều chính sách trợ cấp, hỗ trợ hàng tháng theo các hệ số khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách hoặc một mức hưởng cao nhất.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Tuyên truyền, phổ biến về chủ trương, chính sách của Thành phố để người dân biết, thực hiện và giám sát.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo Hướng dẫn này, đảm bảo đúng, đủ, kịp thời. Không được quy định thủ tục giấy tờ gây phiền hà cho dân.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc xác nhận cho học sinh đảm bảo đúng quy định, thông báo bằng văn bản đến Phòng Kinh tế (Phòng Kinh tế hạ tầng thuộc các Phường) nơi học sinh đăng ký thường trú khi học sinh thuộc diện hưởng chính sách bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung, chuyển trường.

- Quyết định giao dự toán ngân sách để thực hiện chính sách theo quy định. Tổ chức quyết toán kinh phí thực hiện chính sách và tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách theo phân cấp quản lý. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định, trả lời thắc mắc kiến nghị của công dân.

- Ban hành quyết định hỗ trợ, quyết định dừng hỗ trợ đối với đối tượng không còn đủ điều kiện hưởng theo quy định của Nghị quyết.

2. Phòng Kinh tế thuộc UBND các xã, phường

- Thực hiện rà soát, lập danh sách người thuộc diện hưởng chính sách theo quy định. Rà soát, lập danh sách những người không còn đủ điều kiện hưởng chính sách để báo cáo UBND cấp xã ra Quyết định dừng hỗ trợ.

- Tổ chức xét duyệt, chi trả hỗ trợ đảm bảo đúng, đủ, kịp thời, công khai, minh bạch.

- Lập dự toán hàng năm báo cáo UBND cấp xã làm căn cứ xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách. Thanh quyết toán đối với nội dung chi được giao theo quy định.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025.